

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Quốc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Ông Hoàng N Phương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích N – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 521/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **116/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020** giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 5, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh L sống chung với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước ngày 23-11-2011, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh L sống ở nhà trọ tại khu phố 2, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau, nên anh L đã về nhà cha, mẹ ruột tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh sống từ năm 2016 cho đến nay. Do

đó, nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh L, vì vợ chồng không còn tình cảm, không ai quan tâm đến ai nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Hải A, sinh ngày 21-5-2013, hiện cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập họp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn L nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ khoảng năm 2016 cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị N đối với anh Nguyễn Văn L.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Hải A, sinh ngày 21-5-2013. Từ khi chị N và anh L ly thân, chị N là người tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hải A ổn định cho đến nay và theo nguyện vọng của cháu Hải A muốn sống với chị N nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Hoàng Hải A, sinh ngày 21-5-2013 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị N là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến; tuy nhiên theo biên bản xác minh tại địa phương nơi anh L sinh sống và lời trình bày của bà Nguyễn Thị P mẹ ruột anh L thì giữa chị N và anh L có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh L có 01 người con tên Nguyễn Hoàng Hải A, sinh ngày 21-5-2013, từ khi chị N và anh L ly thân cháu Hải A sống chung với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu nuôi cháu Hải A, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ năm 2016 chị N là người tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hải A ổn định cho đến nay và theo nguyện vọng của cháu Hải A muốn sống với chị N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung như được học tập, về thể chất, trí tuệ và đạo đức..v.v, nên cần giao con chung tên Nguyễn Hoàng Hải A, sinh ngày 21-5-2013 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu Hải A cùng với chị.

[2.3] Về tài sản chung , nợ chung: Ghi nhận chị N không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Hải A, sinh ngày 21-5-2013 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu Anh Nguyễn Văn L đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu Hải A cùng với chị.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số **0001040** ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thanh Quốc**